

Ngày 25 tháng cuối quý báo
cáo

Quý năm

Cục Thống kê, Bộ Tài chính

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

Các hình thức gieo trồng cây hàng năm gồm: trồng trần, trồng xen, trồng gối vụ, trồng lưu gốc. Trong đó:

- Trồng trần: Trên một diện tích, trong 1 vụ chỉ trồng 1 loại cây với mật độ cây trồng bình thường theo tập quán từng địa phương. Trong 1 vụ sản xuất có thể trồng 1 lần như lúa, ngô hoặc trồng nhiều lần như một số loại rau.
- Trồng xen: Trên một diện tích trồng hơn 1 loại cây xen nhau, song song cùng tồn tại. Cây trồng chính có mật độ bình thường, cây trồng xen được trồng nhằm tiết kiệm diện tích nên mật độ cây thưa hơn so với trồng trần. Trồng xen có thể là giữa các cây hàng năm với nhau hoặc cây hàng năm xen với cây lâu năm.
- Trồng gối vụ: Trên một diện tích, khi cây trồng trước chuẩn bị thu hoạch thì trồng gối cây sau với mật độ bình thường nhằm tranh thủ thời vụ.
- Trồng lưu gốc: Là hình thức trồng 01 lần nhưng cho thu hoạch sản phẩm trong nhiều vụ của năm như: mía, rau muống, sắn,...

b) Phương pháp tính

- Diện tích các loại cây hàng năm được tính theo từng vụ sản xuất. Bao gồm diện tích hiện có đến thời điểm điều tra theo từng loại cây. Diện tích cây hàng năm được tính trên cơ sở cây trồng trần, trồng bao nhiêu đất tính bấy nhiêu diện tích.
- Diện tích từng nhóm cây bằng tổng diện tích các loại cây trong nhóm. Tổng diện tích cây hàng năm bằng tổng diện tích các nhóm cây.
- Quy ước như sau:
 - + *Diện tích gieo trồng* là diện tích thực tế có gieo trồng các loại cây hàng năm đến thời điểm báo cáo.
 - + *Diện tích mất trắng* là diện tích do ảnh hưởng tiêu cực của sâu bệnh, thời tiết,... sản lượng thu hoạch đạt dưới 30% so với sản lượng thu hoạch được trong điều kiện sản xuất bình thường.
 - + *Diện tích cho sản phẩm nhưng không thu hoạch* là diện tích cây trồng sinh trưởng, phát triển cho sản phẩm bình thường nhưng vì lý do chủ quan người sản xuất không thu hoạch sản phẩm mà để lại trên cây, trên cánh đồng (ví dụ: diện tích dưa hấu, củ cải,... đến kỳ thu hoạch, do giá bán quá thấp người dân bỏ lại sản phẩm trên đồng, không thu hoạch).
 - + *Diện tích thu hoạch* = *Diện tích gieo trồng* - *diện tích mất trắng* - *diện tích cho sản phẩm nhưng không thu hoạch*
- Cách tính diện tích tương ứng với mỗi hình thức gieo trồng như sau:
 - + Trồng trần: Cây trồng trần được tính 1 lần diện tích trong 1 vụ sản xuất bất kể trồng bao nhiêu lần trong vụ. Quy định tính một lần diện tích trong vụ sản xuất đối với các nhóm cây như sau:
 - (1) Các loại cây trong 1 vụ chỉ có thể gieo trồng và thu hoạch 1 lần (ngô, khoai lang, đậu các loại,...).

(2) Các loại cây trong 1 năm chỉ phải gieo trồng 1 lần nhưng có thể cho thu hoạch nhiều lần (rau muống, mùng tơi, rau ngót, củ voi,...).

(3) Các loại cây trong 1 vụ có thể gieo trồng và thu hoạch được nhiều lần (bắp cải, su hào, cải các loại, xà lách,...).

+ Trồng xen: Trong trồng xen, cây trồng chính tính như cây trồng trần, các cây trồng xen căn cứ theo mật độ cây thực tế hoặc theo số lượng hạt giống để quy đổi ra diện tích trồng trần. Vì vậy, trên đất có trồng xen, diện tích gieo trồng lớn hơn nhưng không quá 2 lần trồng trần.

+ Trồng gối vụ: Cây trồng gối vụ cả cây trồng trước và cây trồng sau đều tính một lần diện tích như trồng trần; nếu trong một vụ sản xuất có trồng gối vụ từ 2 loại cây trở lên thì mỗi loại cây tính 1 lần diện tích.

+ Trồng lưu gốc:

(1) Đối với những cây thu hoạch 1 lần trong 1 vụ thì mỗi vụ tính một lần diện tích gieo trồng;

(2) Đối với những cây cả năm thu hoạch 1-2 lần thì mỗi lần thu hoạch tính một lần diện tích gieo trồng.

- Lưu ý:

+ Đối với những cây gieo trồng vụ trước/năm trước nhưng đến vụ tiếp theo/năm sau mới cho thu hoạch sản phẩm (mía, mì,...) thì quy ước tính diện tích gieo trồng vào vụ/năm cho thu hoạch sản phẩm đại trà.

+ Đối với cây hằng năm gieo trồng trên đất trồng cây lâu năm: Khi tính diện tích gieo trồng cây hằng năm gieo trồng trên đất trồng cây lâu năm chưa khép tán, thường thì mật độ cây trồng thấp hơn mật độ cây trồng trần. Do vậy, cần xem xét lượng giống sử dụng cho những loại diện tích này so với lượng giống sử dụng trồng trần để quy đổi ra diện tích gieo trồng chuẩn.

+ Đối với diện tích đất trồng cỏ: Chỉ tính diện tích đất trồng cỏ cho thu hoạch và tính toán được sản lượng. Bao gồm cả diện tích cỏ mọc tự nhiên nhưng được chăm sóc và cho thu hoạch. Loại trừ diện tích cỏ mọc tự nhiên không được chăm sóc.

Tiến độ gieo trồng là diện tích gieo trồng cây hằng năm cộng dồn đến cuối kỳ báo cáo (tháng, quý, năm) tính từ đầu năm nông vụ theo quy ước trong bảng “1.1. Đối với cây lúa” và bảng “1.2. Đối với cây hằng năm khác”.

Tiến độ thu hoạch là diện tích thu hoạch cây hằng năm tương ứng cộng dồn đến cuối kỳ báo cáo (tháng, quý, năm) tính từ thời điểm đầu năm nông vụ.

Diện tích cây hằng năm bị xâm nhập mặn với ranh 4g/l là diện tích trồng cây hằng năm bị rủi ro thiên tai do xâm nhập mặn cấp độ 2 khi xảy ra trường hợp nhiều cửa sông vùng ven biển bị nhiễm mặn với ranh giới độ mặn 4‰ xâm nhập vào sâu tới hơn 50 km tính từ cửa sông, trong thời kỳ dài và nắng nóng, khô hạn thiếu nước kéo dài nhiều tháng, nguồn nước ngọt trong sông bị thiếu hụt trên 40% so với trung bình nhiều năm. (theo Quy định

chi tiết về cấp độ rủi ro do thiên tai (Điều 13 Quyết định số 44/2014/QĐ-TTg ngày 15 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ)).

1.2. Cây lâu năm

a) *Cây lâu năm* là các loại cây có thời gian sinh trưởng từ khi gieo trồng tới khi thu hoạch lớn hơn 1 năm. Diện tích trồng cây lâu năm có các loại sau:

- *Diện tích hiện có* là diện tích tại thời điểm điều tra; bao gồm diện tích trồng tập trung và diện tích trồng phân tán (sau khi quy đổi số cây phân tán về diện tích trồng tập trung) trên toàn bộ các loại đất như: Đất khoán, đất thầu, làm thêm trong vườn, trên đất mới khai hoang.

- *Diện tích trồng tập trung* là những diện tích trồng liền khoảnh từ 100m² trở lên, mật độ cây trồng cơ bản đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật của địa phương.

- *Diện tích trồng phân tán* là diện tích trồng cây lâu năm không đủ điều kiện tính cho diện tích trồng tập trung mà chỉ đếm số cây rồi dựa trên mật độ cây trồng của địa phương để quy đổi về diện tích trồng phân tán.

- *Diện tích trồng mới* là diện tích cây lâu năm được trồng tập trung từ 01/01 đến 31/12 năm báo cáo sau khi đã được nghiệm thu đạt tiêu chuẩn kỹ thuật quy định. Những diện tích không đạt tiêu chuẩn kỹ thuật quy định trong năm phải trồng đi trồng lại nhiều lần mới đạt tiêu chuẩn nghiệm thu cũng chỉ tính một lần diện tích trồng mới. Những diện tích trồng trong năm nhưng đến thời điểm điều tra số cây trên diện tích đó đã chết thì không tính là diện tích trồng mới.

- *Diện tích cho sản phẩm*: Diện tích trồng cây lâu năm thực tế đã hoàn thành thời kỳ kiến thiết cơ bản và đã cho thu hoạch sản phẩm ổn định, không kể kỳ báo cáo có cho sản phẩm hay không; bao gồm diện tích cho sản phẩm trồng tập trung và diện tích quy đổi từ số cây trồng phân tán.

- *Diện tích mất trắng hoàn toàn, không thể khôi phục (đổ gãy, chết,...)* là diện tích cây lâu năm đã vào thời kỳ sản xuất kinh doanh nhưng trong kỳ không cho thu hoạch sản lượng vì các nguyên nhân khách quan như: dịch bệnh, thiên tai.

- *Diện tích chỉ mất trắng sản lượng (bị thiệt hại từ 70% sản lượng trở lên) nhưng cây trồng vẫn khôi phục được* là diện tích bị thiệt hại nhưng tiếp tục được chăm sóc, khôi phục cho sản phẩm vào vụ sau.

- *Diện tích cho sản phẩm nhưng không thu hoạch* là diện tích cây trồng sinh trưởng, phát triển đến kỳ thu hoạch cho sản phẩm bình thường nhưng vì lý do chủ quan như giá bán quá thấp,... người sản xuất không thu hoạch sản phẩm mà để lại trên cây, trên cánh đồng (ví dụ: diện tích cây thanh long,... ở một số vùng sản xuất nhiều, thị trường không tiêu thụ được nên người dân không thu hoạch, để ngay tại đồng).

b) Phương pháp tính

- *Diện tích trồng tập trung*: Tính một lần diện tích trong kỳ báo cáo. Trường hợp trên cùng một diện tích trồng hơn 1 loại cây lâu năm xen nhau, song song cùng tồn tại, cây

trồng chính và cây trồng xen đều cơ bản đảm bảo mật độ như cây trồng trần, quy định tính diện tích cho cả cây trồng chính và các cây trồng xen nhưng không vượt quá 2 lần diện tích mặt bằng.

- Diện tích cây trồng phân tán tính quy đổi: Căn cứ vào số lượng cây trồng phân tán và mật độ cây trồng tập trung theo tập quán địa phương để quy đổi ra diện tích gieo trồng tập trung. Cây trồng phân tán chỉ tính những cây đã cho thu hoạch sản phẩm ổn định.

- Diện tích cây trồng phân tán tính quy đổi theo diện tích trồng tập trung được tính theo công thức sau:

$$\frac{\text{Diện tích trồng phân tán quy đổi ra diện tích trồng trần (Ha)}}{\text{Diện tích trồng trần (Ha)}} = \frac{\text{Tổng số cây trồng phân tán}}{\text{Mật độ cây trồng tập trung bình quân 1 ha của địa phương}}$$

+ *Diện tích trồng mới*: Chỉ tính những diện tích cây lâu năm được trồng tập trung phát sinh trong kỳ báo cáo sau khi đã được nghiệm thu đạt tiêu chuẩn kỹ thuật quy định. Những diện tích không đạt tiêu chuẩn kỹ thuật quy định phải trồng đi trồng lại nhiều lần mới đạt tiêu chuẩn nghiệm thu cũng chỉ tính một lần diện tích trồng mới. Những diện tích *trồng trong kỳ nhưng đến cuối kỳ đã chết thì không tính là diện tích trồng mới*.

+ *Diện tích cây lâu năm bị xâm nhập mặn với ranh 4g/l* là diện tích cây lâu năm bị rủi ro thiên tai do xâm nhập mặn cấp độ 2 khi xảy ra trường hợp nhiều cửa sông vùng ven biển bị nhiễm mặn với ranh giới độ mặn 4‰ xâm nhập vào sâu tới hơn 50 km tính từ cửa sông, trong thời kỳ dài và nắng nóng, khô hạn thiếu nước kéo dài nhiều tháng, nguồn nước ngọt trong sông bị thiếu hụt trên 40% so với trung bình nhiều năm. (theo Quy định chi tiết về cấp độ rủi ro do thiên tai (Điều 13 Quyết định số 44/2014/QĐ-TTg ngày 15 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ)).

1.3. Chăn nuôi

Số tỉnh có dịch: Là số tỉnh có thông báo công bố dịch bệnh chăn nuôi trên địa bàn.

Số lượng vật nuôi bị tiêu hủy (gia cầm): số lượng vật nuôi phải tiêu hủy do dịch bệnh gây ra ở những địa phương có công bố dịch.

Số lượng vật nuôi được quản lý trên hệ thống đăng ký cơ sở chăn nuôi của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

1.4. Lâm nghiệp

Diện tích rừng trồng mới tập trung là diện tích trồng mới các loại cây lâm nghiệp trồng trên đất quy hoạch lâm nghiệp, trong thời gian từ 01/01 đến 31/12 năm báo cáo, đạt tiêu chuẩn kỹ thuật và có quy mô diện tích từ 0,3 héc ta trở lên, nếu là dải cây phải có chiều rộng tối thiểu 20 mét và có từ 3 hàng cây trở lên. Những diện tích không đạt tiêu chuẩn kỹ thuật quy định trong năm phải trồng đi trồng lại nhiều lần mới đạt tiêu chuẩn cũng chỉ tính một lần diện tích rừng trồng mới tại thời điểm quan sát cuối năm; hoặc những diện

tích trồng trong năm nhưng đến thời điểm quan sát mà số cây trên diện tích đó đã chết thì không tính là diện tích trồng mới.

Không tính diện tích rừng trồng mới các loại cây nông nghiệp như cao su, cà phê, chè... trồng trên đất lâm nghiệp bằng nguồn vốn của các dự án trồng rừng. Diện tích rừng trồng mới bao gồm diện tích rừng trồng mới trên đất chưa có rừng (bao gồm diện tích rừng trồng theo chương trình trồng rừng thay thế); diện tích trồng lại sau khi khai thác rừng trồng đã có. Diện tích rừng trồng mới không bao gồm diện tích tái sinh tự nhiên từ rừng trồng đã khai thác.

Diện tích rừng trồng mới tập trung chia theo công dụng bao gồm:

- *Diện tích rừng sản xuất trồng mới* là diện tích rừng trồng mới nhằm mục đích khai thác gỗ, củi, nguyên liệu giấy và các lâm sản khác phục vụ cho sản xuất và đời sống.

Diện tích rừng phòng hộ trồng mới là loại rừng trồng ở đầu nguồn các con sông, trồng ven biển,... nhằm mục đích giữ nước, chống lũ, chống xói mòn, điều hòa khí hậu, bảo vệ các công trình thủy lợi, thủy điện, chắn gió cát,... bảo vệ sản xuất và đời sống.

Diện tích rừng đặc dụng trồng mới là loại rừng được sử dụng chủ yếu để bảo tồn thiên nhiên, mẫu chuẩn sinh thái rừng của quốc gia, nguồn gen sinh vật rừng, nghiên cứu khoa học, bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh, phục vụ nghỉ ngơi, du lịch, kết hợp phòng hộ, góp phần bảo vệ môi trường.

Diện tích rừng bị thiệt hại: Diện tích rừng bị thiệt hại là diện tích rừng bị giảm do các nguyên nhân chủ quan và khách quan như cháy rừng, phá rừng (khai thác trái phép, lấn chiếm rừng),...

1.5. Thủy sản

a) *Diện tích thả nuôi*

Diện tích nuôi trồng thủy sản là diện tích mặt nước tự nhiên hoặc nhân tạo được sử dụng để nuôi trồng thủy sản trong một thời kỳ nhất định, gồm diện tích ao đất, ao đào trên cát, ruộng, ruộng lúa, ruộng vườn, ruộng muối,... Diện tích nuôi trồng thủy sản bao gồm cả diện tích được quây lại ở hồ, đập, sông, bãi triều ven biển để nuôi trồng thủy sản; không bao gồm diện tích của các công trình phụ trợ phục vụ nuôi trồng thủy sản như: khu vực làm biến thể điện, nhà làm việc, lán trại, nhà kho/nhà xưởng chứa/chế biến thức ăn,... và phần diện tích mặt nước chưa thả nuôi trong kỳ. Diện tích nuôi trồng thủy sản bao gồm cả ương nuôi giống và nuôi cá sấu.

Lưu ý về phương pháp tính:

- Đối với hồ, đập, bãi triều có nuôi trồng thủy sản: chỉ tính phần diện tích được quây lại cho hoạt động nuôi thủy sản. Nếu nuôi theo hình thức lồng bè thì không tính diện tích mà tính thể tích.

- Trường hợp thả nuôi trong kỳ nhưng chưa thu hoạch thì không tính vào diện tích nuôi trồng thủy sản trong kỳ mà thu hoạch kỳ nào thì tính vào kỳ đó.

- Trường hợp tía thừa, thả bù quanh năm (không có vụ nuôi rõ ràng, thường phát sinh ở diện tích nuôi quảng canh và quảng canh cải tiến) thì số vụ nuôi đã cho thu hoạch trong kỳ tính là 01 vụ.
- Diện tích thả nuôi thủy sản: Là diện tích thực tế diễn ra hoạt động thả nuôi mới các loại thủy sản trong kỳ (không bao gồm diện tích nuôi giống thủy sản, diện tích nuôi cá sấu, cá cảnh).
- Trường hợp thả nuôi tía bù quanh năm (không có vụ nuôi rõ ràng, thường phát sinh ở diện tích nuôi quảng canh và quảng canh cải tiến): quy định tính 01 lần diện tích thả nuôi/năm.

b) Diện tích thu hoạch

Diện tích thu hoạch thủy sản trong kỳ là diện tích mặt nước tự nhiên, nhân tạo diễn ra hoạt động nuôi trồng (thả giống, chăm sóc, bảo vệ) và cho thu hoạch sản phẩm trong kỳ. Diện tích thu hoạch thủy sản trong kỳ là diện tích mặt nước cộng dồn các vụ thu hoạch trong kỳ.

Diện tích thu hoạch thủy sản trong kỳ gồm diện tích thu hoạch trong ao, ruộng, đầm, vèo, ruộng lúa, nương vườn, đầm, sông, hồ, bãi triều ven biển,... Đối với sông, hồ, bãi triều ven biển, chỉ tính diện tích đã cho thu hoạch trong kỳ của phần mặt nước được quây lại để nuôi theo hình thức đầm, vèo, giai, mùng, lưới. Không tính diện tích hồ, đập thủy điện, thủy lợi hoặc hồ lớn được thả giống với mục đích tái tạo, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, bảo vệ môi trường sinh thái vào diện tích thu hoạch thủy sản.

- Diện tích thu hoạch thủy sản trong kỳ không bao gồm:

- (1) Nuôi thủy sản theo hình thức bể bồn, lồng bè.
- (2) Ươm nuôi giống, cá sấu, cá cảnh.
- (3) Ao lắng, ao lọc, kênh dẫn nước vào ra.
- (4) Diện tích mất trắng.

- *Diện tích bị mất trắng trong kỳ* là diện tích thu hoạch trong kỳ nhưng sản lượng thu hoạch bị giảm từ 80% trở lên so với điều kiện sản xuất thông thường.

- Nếu trên cùng một đơn vị diện tích, thủy sản được thu hoạch rải rác, tía thừa, thả bù quanh năm (vụ nuôi không rõ ràng, thường phát sinh ở nuôi thủy sản quảng canh, quảng canh cải tiến) thì diện tích thu hoạch thủy sản tính bằng diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản (tính 01 lần diện tích).

- Nếu trên cùng một đơn vị diện tích, hai hay nhiều loại thủy sản được nuôi và thu hoạch đồng thời thì tính diện tích thu hoạch cho loại thủy sản chính. Loại thủy sản chính được xác định theo mục đích ban đầu của người nuôi và thường là loại thủy sản thu được giá trị lớn nhất hoặc loại cho thu hoạch sản lượng lớn nhất;

- Nếu trên cùng một đơn vị diện tích, thủy sản được nuôi và thu hoạch nhiều vụ nhưng loại thủy sản nuôi ở các vụ không giống nhau thì tính diện tích theo loại thủy sản được thu hoạch ở từng vụ.

- Diện tích mặt nước không ổn định (tăng, giảm theo thời vụ hoặc thủy triều...) thì tính theo mực nước trung bình.

c) Các phương thức nuôi

Nuôi siêu thâm canh là nuôi trong ao đất lót bạt nilong hoặc trong hệ thống bể hoàn chỉnh, tuần hoàn hay không tuần hoàn nước, thả giống nhân tạo với mật độ rất cao, có khả năng kiểm soát môi trường và cho ăn tự động bằng thức ăn công nghiệp chất lượng cao.

Nuôi thâm canh là nuôi ở trình độ kỹ thuật cao, tuân thủ theo qui tắc kỹ thuật chặt chẽ tác động mạnh vào quá trình phát triển và sinh trưởng của đối tượng nuôi: Từ chọn giống theo tiêu chuẩn kỹ thuật (thuần, đủ kích cỡ và sức sống) môi trường được chuẩn bị kỹ lưỡng trước khi thả giống, mật độ nuôi đảm bảo theo qui định, đối tượng được chăm sóc thường xuyên hàng ngày, hàng giờ để phòng trừ bệnh, bảo đảm điều kiện môi trường phù hợp với phát triển của thủy sản nuôi; thức ăn hoàn toàn là thức ăn công nghiệp; cơ sở hạ tầng được đầu tư toàn diện như hệ thống ao, đầm, thủy lợi, giao thông, cấp thoát nước, sục khí. Nuôi thâm canh cho năng suất thu hoạch cao hơn nhiều so với nuôi truyền thống.

Tàu khai thác thủy sản biển có động cơ là tàu (bao gồm cả thuyền) có động cơ chuyên dùng khai thác thủy sản biển, tính cả tàu đang sửa chữa lớn, sửa chữa nhỏ.

2. Cách ghi biểu

Năm trước năm báo cáo: Đến ngày báo cáo, căn cứ vào số liệu chính thức cả năm của năm trước, tiến hành rà soát phân bổ lại số chính thức theo kỳ của năm trước cho phù hợp với thực tế.

- Cột 1: Ghi thông tin tương ứng của các chỉ tiêu thực hiện trong Quý I năm trước năm báo cáo.

- Cột 2: Ghi thông tin tương ứng của các chỉ tiêu thực hiện trong Quý II năm trước năm báo cáo.

- Cột 3: Ghi thông tin tương ứng của các chỉ tiêu thực hiện trong 6 tháng đầu năm, năm trước năm báo cáo.

- Cột 4: Ghi thông tin tương ứng của các chỉ tiêu thực hiện trong Quý III năm trước năm báo cáo.

- Cột 5: Ghi thông tin tương ứng của các chỉ tiêu thực hiện trong 9 tháng đầu năm, năm trước năm báo cáo.

- Cột 6: Ghi thông tin tương ứng của các chỉ tiêu thực hiện trong Quý IV năm trước năm báo cáo.

- Cột 7: Ghi thông tin tương ứng của các chỉ tiêu thực hiện trong năm trước năm báo cáo.

Năm báo cáo: Căn cứ tình hình thực tế phát sinh trong kỳ của năm báo cáo, tiến hành ước tính số liệu các chỉ tiêu theo kỳ tương ứng, cụ thể:

- Cột 8: Ghi thông tin tương ứng của các chỉ tiêu thực hiện trong Quý I năm báo cáo.
- Cột 9: Ghi thông tin tương ứng của các chỉ tiêu thực hiện trong Quý II năm báo cáo.
- Cột 10: Ghi thông tin tương ứng của các chỉ tiêu thực hiện trong 6 tháng đầu năm, năm báo cáo.
- Cột 11: Ghi thông tin tương ứng của các chỉ tiêu thực hiện trong Quý III năm báo cáo.
- Cột 12: Ghi thông tin tương ứng của các chỉ tiêu thực hiện trong 9 tháng đầu năm, năm báo cáo.
- Cột 13: Ghi thông tin tương ứng của các chỉ tiêu thực hiện trong Quý IV năm báo cáo.
- Cột 14: Ghi thông tin tương ứng của các chỉ tiêu thực hiện trong năm báo cáo.
- Thời điểm, thời kỳ số liệu: số liệu từ ngày 21 tháng cuối của quý trước đến hết ngày 20 tháng cuối quý báo cáo.
- Giải trình số liệu tăng, giảm đột xuất (nếu có).

3. Nguồn số liệu

Chế độ báo cáo thống kê của ngành Nông nghiệp và Môi trường.